

Bản án số: 42/2020/HS-ST

Ngày 30-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn

Ông Nguyễn Hữu Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kiều Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2020/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. PXH (tức XH), sinh ngày 17 tháng 8 năm 1982 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 22/129 quốc lộ A, B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông NLQ3 và bà E; bị cáo có vợ là F, sinh năm 1989 và 05 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 14/3/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, quận D, thành phố Hải Phòng ra Quyết định số 23/QĐ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn (chưa được xóa); bị bắt tạm giữ từ ngày 16/02/2020, chuyển tạm giam từ ngày 25/02/2020; có mặt.

2. DDH, sinh ngày 25 tháng 02 năm 1988 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Xóm G, xã H, huyện I, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông J và bà K; bị cáo có vợ là L, sinh năm 1988 và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 18/02/2020, chuyển tạm giam từ ngày 25/02/2020; có mặt.

3. NQM, sinh ngày 27 tháng 8 năm 1981 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: số 7A2/131 M, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N và bà O (đã chết); chưa có vợ con; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 16/7/2019 Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 19, thời hạn 24 tháng (chưa được xóa); tạm giam từ ngày 03/4/2020; có mặt.

4. TLH, sinh ngày 28 tháng 02 năm 1986 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 1/11 tổ đường 5/3 phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông P và bà Q; bị cáo có vợ là R (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2010; Tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 18/02/2020, chuyển tạm giam từ ngày 27/02/2020; có mặt.

Bị hại: Anh BH, có mặt; Công ty Trách nhiệm hữu hạn S, vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị NLQ1 và anh NLQ2, đều vắng mặt; ông NLQ3, có mặt.

Người làm chứng: Bà NLC1; bà NLC2; chị NLC3; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ ngày 22/01/2020 DDH, NQM và PXH rủ nhau đi xe mô tô YAMAHA Jupiter BKS 16L4-9684 đến xưởng sửa chữa ô tô Công ty Trách nhiệm hữu hạn S để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, NQM đứng bên ngoài, PXH và DDH chui qua khe hở hàng rào vào bên trong và phát hiện 01 giường inox, DDH cầm ra để ở bãi đất trống phía sau xưởng. Khi đó, PXH phát hiện Công ty lắp đặt thiết bị Camera trên cột sắt hàng rào nên bảo NQM; NQM đã trèo lên hàng rào sắt, dùng xẻng đập đổ Camera trúc xuống. Sau đó, NQM tiếp tục vào trong lấy 01 thanh sắt chữ V và 03 cột thành xe tải bằng sắt hộp; DDH lấy 01 thanh thép hộp hình chữ nhật, 01 cánh cửa thùng xe tải bằng inox và 02 vỏ bình gas. PXH điều khiển xe mô tô chở NQM về nhà PXH lấy một thùng xe tự chế ba bánh và chở NQM quay lại xưởng lấy các đồ vừa trộm cắp được. Khi đến, NQM cùng DDH bê các đồ vừa trộm cắp lên thùng xe mang đi tiêu thụ thì bị anh T, U phát hiện, ngăn chặn. Hai bên xảy ra to tiếng, được chị NLC3 can ngăn nhưng vẫn PXH điều khiển xe mô tô chở NQM kéo thùng xe chở đồ vừa trộm cắp được đi hướng ra Quốc lộ A, DDH đi bộ phía sau. Khi PXH, NQM đi đến trước cửa hàng bán xăng dầu tại số 20, Quốc lộ A đường C thì anh T, anh U cùng mọi người dân đuổi kịp, bắt giữ được NQM, DDH cùng tài sản vừa trộm cắp được đưa đến Công an phường Hùng Vương lập biên bản; PXH bỏ chạy thoát.

Do chưa có kết luận định giá tài sản, nên Cơ quan Công an đã tạm giao DDH và NQM cho gia đình. Ngày 16/02/2020, 18/02/2020 DDH và PXH đến Công an phường Hùng Vương đầu thú. Ngày 30/3/2020, Cơ quan điều tra ra quyết định truy nã đối với NQM, đến ngày 02/4/2020 NQM bị bắt.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 14/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 giường inox, 01 cánh cửa thùng xe bằng inox, 03 cột thành xe tải bằng sắt hộp, 01 thanh sắt chữ V, 01 thanh thép hộp hình chữ nhật, 02 vỏ bình ga, tổng giá trị tài sản là 3.207.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 13-02-2020, PXH mượn xe mô tô Yamaha Sirius không rõ biển kiểm soát của bạn là anh V đến nhà trọ của TLH. Cả hai về nhà PXH lấy 01 kim cộng lực cho vào túi vải tối màu và đi đến khu vực đô thị T tại phường C. Tại đây, PXH đưa túi đựng kim cho TLH bảo cất vào gầm thùng Container của anh BH, mục đích sẽ sử dụng để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, PXH đi bộ đến thùng Container của anh BH, PXH vào trong thùng sử dụng bật lửa soi thấy một số tài sản. Lúc này, bà NLC1 và bà NLC2 đi bộ qua nhìn thấy và hỏi PXH “mày làm gì đấy”, PXH nói “cháu lấy miếng gỗ về đóng chuồng chó”, bà NLC1 và bà NLC2 đi về. TLH điều khiển xe mô tô kéo thùng tự chế đến, PXH bê tài sản vừa trộm cắp được lên thùng xe, mang về nhà PXH cất giấu. Sau đó PXH điều khiển xe mô tô chở TLH và kéo thùng tự chế quay lại gửi xe cho một người không quen biết ở lối rẽ vào khu đô thị T, rồi cả hai đi bộ đến thùng Container PXH vừa trộm cắp tài sản, TLH ngồi lại, PXH lấy kim cộng lực đi đến một thùng Container của anh BH cách đó khoảng 30m về hướng đi ra Quốc lộ A, PXH dùng kim cắt song cửa sổ chui vào và lấy tài sản gồm: 01 bộ máy vi tính để bàn, 01 máy đập ni lon miệng cốc, 06 chiếc quạt điện, 01 máy cắt, 01 máy khoan, 01 nồi cơm điện, bình nóng lạnh, loa đài.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 17/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 quạt đứng nhãn hiệu Phong Lan, 01 chiếc quạt đứng nhãn hiệu SenKo, 01 CPU máy tính, 01 màn hình LCD máy tính (đều đã qua sử dụng) có tổng giá trị tài sản là 3.465.000 đồng; 01 quạt bàn nhãn hiệu JIPLAI đã qua sử dụng và 02 màn dán miệng cốc không rõ nguồn gốc, xuất xứ thông số chi tiết nên không giám định được.

Tại Công văn số 08a/HĐĐG ngày 15/4/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận bổ sung: 01 bình nóng lạnh Gold Sen, 01 nồi cơm điện, 01 khoan bê tông màu đỏ, 01 máy cắt cầm tay, 01 bộ loa vi tính, 01 bộ loa rời đều đã qua sử dụng, không đủ căn cứ để định giá được giá trị tài sản; vì các tài sản trên không rõ nguồn gốc, xuất xứ, thông số kỹ thuật, chất lượng còn lại của tài sản, tình trạng thực tế của tài sản.

Ngày 17/02/2020, TLH đến Công an phường Hùng Vương đầu thú.

Vật chứng thu giữ: 01 kim cộng lực và 01 xe ba bánh tự chế.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại các tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 11/6/2020, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo PXH, NQM, DDH và TLH đều về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo PXH, NQM, DDH và TLH khai nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã truy tố.

Bị hại là anh BH và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông NLQ3 có mặt, đều trình bày như lời khai tại cơ quan điều tra, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường và cũng không có ý kiến gì khác. Người đại diện hợp pháp của bị hại là Công ty Trách nhiệm hữu hạn S, chị NLQ1, anh NLQ2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, đã được công bố các lời khai có trong hồ sơ vụ án thể hiện đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như nội dung cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng của các bị cáo, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo PXH với mức án tù 18 tháng tù đến 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo DDH với mức án tù 15 tháng tù đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo NQM với mức án tù 12 tháng tù đến 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo TLH với mức án tù 09 tháng tù đến 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; xử lý vật chứng và các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt, tạo điều kiện để các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của các bị cáo và các tài liệu khác có trong hồ sơ khẳng định: Do cần tiền ăn tiêu nên ngày 22/01/2020, DDH, NQM và PXH cùng nhau đến xưởng sửa chữa ô tô Công ty Trách nhiệm hữu hạn S lén lút chiếm đoạt tài sản gồm: 01 giường inox, 01 cánh cửa thùng xe bằng inox, 03 cột thành xe tải bằng sắt hộp, 01 thanh sắt chữ V, 01 thanh thép hộp hình chữ nhật, 02 vỏ bình ga, tổng trị giá tài sản 3.207.000 đồng. Ngày 13/02/2020, PXH và TLH đã chiếm đoạt của anh BH: 01 quạt đứng nhãn hiệu Phong Lan, 01 quạt đứng nhãn hiệu SenKo, 01 CPU máy tính, 01 màn hình LCD máy tính và một số tài sản khác có tổng trị giá 3.465.000 đồng. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của PXH, NQM, DDH và TLH đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

[3] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, gây mất trật tự trị an. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc mới đủ điều kiện giáo dục các bị cáo, đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm nên phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần xem xét vai trò của từng bị cáo trong đồng phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo để phân hóa tội phạm cũng như áp dụng một mức hình phạt tương xứng theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

[5] Vụ thứ nhất, các bị cáo PXH, DDH và NQM cùng thống nhất việc đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền ăn tiêu, cùng bàn bạc phân công nhau trong quá trình thực hiện hành vi trộm cắp. Như vậy, vai trò của PXH, DDH và NQM là ngang nhau. Đối với vụ thứ hai, bị cáo PXH là người chuẩn bị phương tiện phạm tội, rủ TLH cùng đi và trực tiếp thực hiện việc trộm cắp nên PXH có vai trò cao hơn TLH.

[6] Bị cáo DDH, NQM và TLH không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo PXH hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm

hành sự thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Nhân thân bị cáo PXH có một tiền án đã được xóa án tích, một tiền sự chưa được xóa; DDH có một tiền án nhưng đã được xóa án tích; bị cáo NQM có một tiền sự chưa được xóa. Lần vi phạm này các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý nên cần đánh giá các bị cáo PXH, DDH, NQM có nhân thân xấu, ý thức chấp hành pháp luật kém.

[8] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, PXH, DDH, TLH đã đến Cơ quan Công an đầu thú. Bị cáo PXH có bố để tham gia cách mạng được tặng DDH chương. Vì vậy, các bị cáo PXH, DDH, TLH được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo TLH phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt:

[9] Hình phạt chính: Xét vai trò, hành vi và nhân thân của từng bị cáo, bị cáo PXH phải chịu mức hình phạt cao nhất so với các bị cáo khác. Đối với bị cáo DDH và NQM mặc dù tham gia chiếm đoạt tài sản có trị giá thấp hơn so với TLH nhưng cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu nên phải chịu mức hình phạt ngang bằng nhau nhưng cao hơn so với bị cáo TLH và thấp hơn so với PXH. Hành vi vi phạm của các bị cáo PXH, DDH và NQM là nguy hiểm cho xã hội nên cần phải áp dụng hình phạt bắt các bị cáo phải cải tạo cách ly xã hội một thời gian nhất định mới bảo đảm tính răn đe của pháp luật. Riêng bị cáo TLH được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; đến nay hành vi vi phạm của bị cáo TLH không còn gây nguy hiểm cho xã hội nữa, nên có thể không nhất thiết phải bị áp dụng mức hình phạt buộc cách ly xã hội mà chỉ cần áp dụng mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/7/2020, bị cáo đã bị tạm giam 05 tháng 03 ngày, nên để đảm bảo tính phân hóa tội phạm trong vụ án đồng phạm, cần bắt bị cáo TLH chịu mức hình phạt cải tạo cách ly xã hội thêm một thời gian với mức hình phạt thấp nhất so với các bị cáo khác.

[10] Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Xét, các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

[11] Bị hại là Công ty trách nhiệm hữu hạn Tiến Đạt và anh BH đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

[12] Đối với 01 kim cộng lực, xét không còn giá trị sử dụng, cần tuyên tịch thu tiêu hủy. 01 xe ba bánh tự chế là phương tiện dụng cụ dùng để thực hiện hành vi phạm tội, xét thấy còn giá trị sử dụng, cần tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[13] Việc anh NLQ2 mua 01 bộ máy vi tính; chị NLQ1 là người đi cùng với TLH đi bán 01 bộ máy vi tính; ông Nguyễn Quang Sinh (hiện đã chết) được PXH nhờ bán 01 máy đập lắp cốc nước mía. Tất cả đều không biết các tài sản trên nguồn gốc là do phạm tội mà có, tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ xác định có hành vi đồng phạm về tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng tiếp tục điều tra có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về án phí:

[14] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo PXH, NQM, DDH và TLH phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: PXH (tức XH) 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 16 tháng 02 năm 2020.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: DDH 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 18 tháng 02 năm 2020.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: NQM 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 02 tháng 4 năm 2020.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: TLH 07 (bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 18 tháng 02 năm 2020.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 kim cộng lực;

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 xe ba bánh tự chế.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 34/QĐ-VKSHB ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng)

- Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo PXH, NQM, DDH và TLH mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo đối với bản án:

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNLQ;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Công an quận Hồng Bàng;
- Trại tạm giam Hải Phòng;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an quận Hồng Bàng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hải Yến